

PERCEPTION OF THE CLINICAL LEARNING ENVIRONMENT AMONG NURSING STUDENTS OF HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN 2024

Nguyen Thuy Hien, Dang Thi Loan*

Hanoi Medical University - 1 Ton That Tung, Kim Lien Ward, Dong Da Dist, Hanoi City, Vietnam

Received: 23/05/2025

Revised: 08/06/2025; Accepted: 16/06/2025

ABSTRACT

Objectives: (1) To survey the perception of clinical learning environment of nursing students at Hanoi Medical University; (2) To study some factors related to the perception of clinical learning environment of nursing students at Hanoi Medical University.

Research method: Cross-sectional descriptive study using self-administered questionnaire Clinical Learning Environment Inventory Vietnamese version (V-CLEI).

Results: The average score of V-CLEI scale is 133.2 ± 11.7 , the lowest score is 102 points, the highest is 163 points. The year of study of nursing students is related to the perception of clinical learning environment, the higher the year of study, the higher the perception of nursing students about clinical learning environment.

Conclusion: The perception of nursing students at Hanoi Medical University about the clinical learning environment reached 133.2 ± 11.7 , students are aware of the work that a nursing staff must do, they strive to complete the assigned tasks, and are aware that clinical learning is extremely necessary and not a waste of time. However, there are still limitations: lack of creativity in the clinical learning environment, inappropriate division of work, and overload of work.

Keywords: Perception, clinical learning environment, nursing students, Hanoi Medical University.

*Corresponding author

Email: dangthiloan@hmu.edu.vn **Phone:** (+84) 934220810 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD10.2638**

NHẬN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP LÂM SÀNG CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2024

Nguyễn Thúy Hiền, Đặng Thị Loan*

Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Received: 23/05/2025

Revised: 08/06/2025; Accepted: 16/06/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: (1) Khảo sát nhận thức về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y Hà Nội; (2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến nhận thức về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Y Hà Nội.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang sử dụng bộ câu hỏi tự điền Clinical Learning Enviroment Inventory phiên bản tiếng Việt (V-CLEI).

Kết quả: Điểm trung bình thang đo V-CLEI là $133,2 \pm 11,7$, số điểm thấp nhất là 102 điểm, cao nhất là 163 điểm. Năm học của sinh viên điều dưỡng có mối liên quan đến nhận thức về môi trường học tập lâm sàng, năm học càng cao thì nhận thức của sinh viên điều dưỡng về môi trường học tập lâm sàng càng cao.

Kết luận: Nhận thức của sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y Hà Nội về môi trường học tập lâm sàng đạt mức $133,2 \pm 11,7$; sinh viên nhận thức được công việc phải làm của một nhân viên điều dưỡng; nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao; nhận thức được rằng việc học lâm sàng là cực kỳ cần thiết và không lãng phí thời gian. Tuy nhiên vẫn còn những mặt hạn chế như thiếu tính sáng tạo tại môi trường học tập lâm sàng; sự phân công việc chưa phù hợp; số lượng công việc quá tải.

Từ khóa: Nhận thức, môi trường học tập lâm sàng, sinh viên điều dưỡng, Trường Đại học Y Hà Nội.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điều dưỡng là lực lượng chính cung cấp các dịch vụ chăm sóc người bệnh tại bệnh viện và là một ngành nghề không thể thiếu trong cuộc sống. Theo kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Bộ Y tế phần đầu đến năm 2025 tỉ lệ là 25 điều dưỡng/vạn dân, năm 2030 tỉ lệ là 33 điều dưỡng/vạn dân. Tuy nhiên, đến năm 2021 tỷ số điều dưỡng/vạn dân mới đạt 50% so với nghị quyết số 20 NQ-TƯ đề ra, thấp hơn Thái Lan 3 lần, Malaysia 4 lần và Nhật Bản 9 lần [1]. Do đó, nhu cầu nguồn nhân lực điều dưỡng được đào tạo bài bản là rất quan trọng và trở thành một thách thức không hề nhỏ đối với các trường đại học và cao đẳng y khoa trên cả nước [2]. Yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với ngành Điều dưỡng Việt Nam là phải thiết lập lại bộ máy hoạt động, nâng cao trình độ; năng lực ngành nghề của từng nhân viên điều dưỡng. Khi đó, mới đáp ứng được những yêu cầu công việc đặt ra và đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân [3]. Trong chương

chính đào tạo Điều dưỡng, bên cạnh lý thuyết thì thực hành cũng đóng một vai trò quan trọng chiếm khoảng 50% trong chương trình đào tạo [4-5]. Học tập lâm sàng làm tăng khả năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tình cảm, nhận thức và tâm vận động [6], đồng thời cho phép sinh viên cung cấp dịch vụ chăm sóc bệnh nhân an toàn và chất lượng. Học tập lâm sàng có thể bao gồm các vấn đề xung quanh sinh viên như môi trường lâm sàng, nhân viên lâm sàng, và người bệnh [5]. Sinh viên có thể phải đối mặt với nhiều vấn đề như khó khăn thách thức trong sử dụng trang thiết bị y tế, xử lý những tình huống thay đổi đột ngột về tình trạng của người bệnh, cách xử trí với những yêu cầu của người nhà người bệnh, duy trì tốt mối quan hệ với nhân viên y tế và giảng viên [7]. Từ đó cho thấy công tác đào tạo cho sinh viên điều dưỡng khi đi thực tập lâm sàng ở bệnh viện cần được quan tâm nhiều hơn. Trường Đại học Y Hà Nội với kinh nghiệm nhiều năm trong đào tạo điều dưỡng, tuy nhiên chưa

*Tác giả liên hệ

Email: dangthiloan@hmu.edu.vn Điện thoại: (+84) 934220810 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD10.2638>

có nghiên cứu nào đánh giá nhận thức của sinh viên về môi trường học tập lâm sàng. Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành với mục tiêu:

1. Khảo sát nhận thức về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Y Hà Nội.

2. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến nhận thức về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Y Hà Nội.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên hệ cử nhân Điều dưỡng đào tạo chính quy đang học tại Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2023-2024.

- *Tiêu chuẩn chọn mẫu*: Sinh viên Điều dưỡng đã hoàn thành ít nhất một học phần thực hành lâm sàng.

- *Tiêu chuẩn loại trừ*: Sinh viên đủ điều kiện không có mặt tại thời điểm nghiên cứu, không đủ thông tin trong phiếu thu thập số liệu.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 11/2023 tới tháng 05/2024

- Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y Hà Nội

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Cắt ngang.

- Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Chọn toàn bộ sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y Hà Nội năm học 2023-2024 đáp ứng đủ tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ. Tổng số là 214 sinh viên ngành Điều dưỡng, tuy nhiên trong quá trình thu thập số liệu thì có 4 sinh viên vắng mặt và có 3 phiếu điền không đủ thông tin. Tổng cộng có 207 phiếu đạt tiêu chuẩn được đưa vào phân tích.

2.4. Công cụ thu thập số liệu

Bộ câu hỏi nghiên cứu bao gồm 2 phần:

- Phần 1: Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu như tuổi, giới, học năm thứ mấy, điểm tổng kết trung bình, địa điểm thực hành lâm sàng.

- Phần 2: Khảo sát ý kiến về môi trường chất lượng học tại khoa lâm sàng được đánh giá bằng bộ câu hỏi Clinical Learning Environment Inventory phiên bản tiếng Việt (V-CLEI) của Trương Thị Huệ dịch (2015). V-CLEI gồm 6 mục nhỏ: Sự tương tác và tham gia (16 câu); Sinh viên làm trung tâm (18 câu); Cho phép cá nhân tham gia (4 câu); Giá trị công việc điều dưỡng (3 câu); Bồi dưỡng tại nơi học tập làm việc (6 câu); Thiếu sự sáng tạo (3 câu). Với mỗi câu hỏi có bốn

mức trả lời (1 – Rất không đồng ý - thực hiện chưa đầy đủ; 2 – Không đồng ý; 3 – Đồng ý; 4 – Rất đồng ý)

Đối với câu hỏi phủ định, cần phải đảo ngược lại trước khi phân tích. Tổng điểm V-CLEI dao động từ 50 đến 200 điểm, điểm cao hơn thể hiện sinh viên đánh giá tốt hơn về môi trường thực hành lâm sàng.

2.5. Quy trình thu thập, xử lý và phân tích số liệu

- Quy trình thu thập: Nghiên cứu được tiến hành sau khi nhận được sự đồng ý của Nhà trường, phòng đào tạo điều tra viên thu thập số liệu. Sau khi giới thiệu về nghiên cứu và giải thích cách thức điền bộ câu hỏi thì bắt đầu tiến hành phát phiếu điều tra cho đối tượng tự điền theo nội dung bộ câu hỏi. Sau khi nhận phiếu trả lời từ đối tượng nghiên cứu, điều tra viên kiểm tra kỹ tránh bỏ sót câu hỏi.

- Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu được xử lý phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0, Excel. Sử dụng thống kê mô tả (trung bình, độ lệch chuẩn) để mô tả điểm nhận thức về Môi trường học tập lâm sàng theo V-CLEI. Sử dụng kiểm định Pearson, Independent samples T-test, Anova để so sánh điểm trung bình nhận thức giữa các nhóm sinh viên.

2.6. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành dưới sự cho phép của phòng Đào tạo Đại học, Khoa Điều dưỡng - Hệ sinh Trường Đại học Y Hà Nội. Nghiên cứu có sự đồng thuận tham gia của đối tượng nghiên cứu và người tham gia có thể dừng tham gia nghiên cứu bất cứ lúc nào. Các thông tin thu được chỉ dành cho mục đích nghiên cứu khoa học.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung về đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung về đối tượng nghiên cứu (N=207)

Đặc điểm chung		Số lượng (N)	Tỷ lệ %
Tuổi (Mean ± SD)		21,55 ± 0,59	
Giới tính	Nam	22	10,6
	Nữ	185	89,4
Năm học	Năm 3	105	51
	Năm 4	101	49
	Chương trình đổi mới	176	85

Đặc điểm chung		Số lượng (N)	Tỷ lệ %
Chương trình đào tạo	Chương trình tiên tiến	31	15
Điểm tổng kết	Trung bình và trung bình khá	73	35,2
	Khá	127	61,4
	Giỏi	7	3,4
Khoa học tập lâm sàng gần nhất	Ngoại	31	15
	Nhi	92	44,4
	YHCT	84	40,6
Thời gian luân chuyển lâm sàng	2 tuần	31	15
	> 2 tuần	176	85

Nhận xét: Trong số 207 sinh viên tham gia vào nghiên cứu thì độ tuổi trung bình của người tham gia là 21-22 tuổi (nhỏ nhất 21 tuổi, lớn nhất 24 tuổi). Tỷ lệ sinh viên là nữ chiếm phần lớn với 89,4%, tỷ lệ sinh viên nam chỉ có 10,6%. Chương trình giảng dạy truyền thống (85%) chiếm phần lớn so với chương trình tiên tiến (15%). Phần đa sinh viên có kết quả xếp loại học tập đạt mức khá chiếm tỷ lệ cao là 61,4%. Thời gian luân chuyển lâm sàng >2 tuần chiếm 85%. Tỷ lệ sinh viên Điều dưỡng năm 3 và năm 4 gần như nhau.

3.2. Nhận thức của sinh viên điều dưỡng về môi trường học tập lâm sàng

Bảng 2. Nhận thức về môi trường học tập lâm sàng (N=207)

Nội dung	Điểm số ghi nhận được		
	Min	Max	Mean ± SD
Sự tương tác và tham gia (16-64)	26	56	42,0 ± 4,9
Sinh viên làm trung tâm (18-72)	33	62	49,1 ± 4,9
Cho phép cá nhân tham gia (4-16)	6	15	10,4 ± 1,6
Giá trị công việc điều dưỡng (3-12)	6	11	8,9 ± 0,9
Bồi dưỡng tại nơi học tập lâm sàng (6-24)	11	19	15,2 ± 1,5
Thiếu sự sáng tạo (3-12)	3	11	7,7 ± 1,3
Tổng V-CLEI (50-200)	102	163	133,2 ± 11,7

Nhận xét: Điểm nhận thức chung về Môi trường học tập lâm sàng theo V-CLEI là $133,2 \pm 11,7$, số điểm thấp nhất ghi nhận là 102 điểm, cao nhất là tối đa 163 điểm. Mỗi mục có giá trị khác nhau: Mục “Sự tương tác và tham gia” có tổng điểm trung bình là $42 \pm 4,9$; Mục “Sinh viên làm trung tâm” có tổng điểm trung bình là $49,1 \pm 4,9$; Mục “Cho phép cá nhân tham gia” có tổng điểm trung bình là $10,4 \pm 1,7$; Mục “Giá trị công việc điều dưỡng” có tổng điểm trung bình là $8,9 \pm 0,9$; Mục “Bồi dưỡng tại nơi học tập lâm sàng” có tổng điểm trung bình là $15,2 \pm 1,5$; Mục “Thiếu sự sáng tạo” có tổng điểm trung bình là $7,7 \pm 1,3$.

Bảng 3. Nhận thức của sinh viên về môi trường học tập lâm sàng

Nội dung		Mean ± SD
Những câu có điểm trung bình cao nhất	Sinh viên nỗ lực thực hiện những nhiệm vụ được giao tại khoa	3,2 ± 0,4
	Việc thực tập lâm sàng tại khoa này là lãng phí thời gian	3,1 ± 0,5
	Giảng viên lâm sàng quan tâm đến những cảm nhận của sinh viên	3,0 ± 0,4
	Trong quá trình hướng dẫn/dạy lâm sàng, giảng viên thường đi lạc đề thay vì bám sát nội dung	3,0 ± 0,5
Những câu có điểm trung bình thấp nhất	Điều dưỡng của khoa thường đưa ra những hoạt động dạy/học thú vị cho sinh viên	2,3 ± 0,6
	Sự phân công khối lượng công việc (cho cả nhân viên và sinh viên) ở khoa này được lên kế hoạch rất cẩn thận	2,3 ± 0,6
	Sinh viên ít có cơ hội tham gia vào quá trình bàn giao giữa các ca trực của nhân viên trong khoa	2,2 ± 0,8
	Sinh viên dường như chỉ làm những nhiệm vụ giống nhau trong tất cả các buổi thực tập/ca trực	2,1 ± 0,6

Nhận xét: Trong nhóm câu hỏi khẳng định có câu hỏi nhận được sự đồng ý cao nhất từ sinh viên đó là câu “Sinh viên nỗ lực thực hiện những nhiệm vụ được giao tại khoa” có điểm trung bình là $3,2 \pm 0,4$. Bên cạnh đó cũng có câu hỏi câu “Sinh viên dường như chỉ làm những nhiệm vụ giống nhau trong tất cả các buổi thực tập/ca trực” có điểm trung bình thấp nhất là $2,1 \pm 0,6$.

Bảng 4. Một số yếu tố liên quan với nhận thức về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng (N=207)

Đặc điểm chung		Nhận thức MTHLS (Mean ± SD)	p
Tuổi			0,412 ^a
Giới tính	Nam	132,0 ± 10,5	0,611 ^b
	Nữ	133,4 ± 11,8	
Năm học	Năm 3	131,5 ± 11,1	0,034 ^b
	Năm 4	135,0 ± 12,1	
	Chương trình đổi mới	132,7 ± 11,9	
Chương trình đào tạo	Chương trình tiên tiến	136,4 ± 10,4	0,104 ^b
Điểm tổng kết	Trung bình và trung bình khá	135,5 ± 10,9	0,361 ^c
	Khá	133,5 ± 12,2	
	Giỏi	134,3 ± 5,1	
Khoa học tập lâm sàng gần nhất	Ngoại	136,0 ± 10,4	0,062 ^c
	Nhi	131,2 ± 11,0	
	Y học cổ truyền	134,2 ± 12,6	
Thời gian luân chuyển lâm sàng	2 tuần	136,4 ± 10,4	0,105 ^b
	> 2 tuần	132,7 ± 11,9	

Ghi chú: a Pearson; b Independent samples T-Test; c Anova test

Nhận xét: Kết quả cho thấy có sự khác biệt có nghĩa thống kê về tổng điểm V-CLEI giữa các năm học của điều dưỡng (p=0,03).

4. BÀN LUẬN

Nhận thức của sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y Hà Nội về môi trường học tập lâm sàng theo V-CLEI có điểm trung bình là 133,2 ± 11,7 giá trị nhỏ nhất là 102 và lớn nhất là 163. Nhìn chung, đây là một kết quả tích cực trong việc đánh giá môi trường học tập lâm sàng của các sinh viên. Điểm trung bình của từng câu hỏi khảo sát trong bộ V-CLEI đều đạt mức đồng ý và hầu hết đều có điểm cao hơn các nghiên cứu tại Việt Nam cùng sử dụng bộ công cụ này như của Trương Thị Huệ[8] (2015) hay Ngô Anh Duy [9] (2021). Kết quả khác nhau là do sự khác nhau về môi trường đào tạo sinh viên điều dưỡng của mỗi

trường và ngoài ra chính việc sinh viên được tiếp xúc với khoa thực hành khác khiến sinh viên có nhiều trải nghiệm khác so với các trường. Trong nghiên cứu có câu hỏi “Việc thực hành lâm sàng tại khoa này là lãng phí thời gian” có tỷ lệ sinh viên trả lời không đồng ý cao nhất đạt điểm trung bình 3,1 ± 0,5. Kết quả này tương tự với nghiên cứu khảo sát sinh viên ngành Điều dưỡng về môi trường thực hành lâm sàng của Ngô Anh Duy và cộng sự (2022) có điểm trung bình là 1,82. Kết quả này cho thấy sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Y Hà Nội và Đại học Trà Vinh nhận thức được vai trò của thực hành trong quá trình học, nhận thức được rằng việc học lâm sàng là cực kỳ cần thiết và không lãng phí thời gian. Điều này cũng góp phần hình thành cho sinh viên một thái độ làm việc chuyên nghiệp từ trong môi trường giáo dục đại học. Bên cạnh những mặt tốt thì còn những mặt hạn chế, kết quả nghiên cứu còn cho thấy ở mục “Sự tương tác và tham gia” có câu “Sinh viên dường như chỉ làm những nhiệm vụ giống nhau trong tất cả các buổi thực tập/ca trực” có điểm trung bình thấp nhất là 2,1 ± 0,6 đồng nghĩa với việc sinh viên đồng ý rằng các buổi trực dường như chỉ làm các nhiệm vụ giống nhau và câu “Sinh viên ít có cơ hội tham gia vào quá trình bàn giao giữa các ca trực của nhân viên” có tỷ lệ sinh viên trả lời đồng ý cao với điểm trung bình là 2,2 ± 0,8 điều này cho thấy sinh viên điều dưỡng ít có cơ hội tham gia vào quá trình bàn giao giữa các ca trực của nhân viên. Kết quả này tương tự với kết quả nghiên cứu của Ngô Anh Duy và cộng sự (2021) có mức điểm trung bình là 2,9. Vấn đề này xảy ra là do thiếu sự hỗ trợ của Điều dưỡng trưởng hoặc Trưởng khoa trong việc trực ca bàn giao. Ở mục “Bồi dưỡng làm nơi học tập lâm sàng” có câu “Điều dưỡng của khoa thường đưa ra những hoạt động dạy học thú vị cho sinh viên” với điểm trung bình là 2,3 ± 0,6 cho rằng việc giảng dạy tại khoa ít thú vị. Cùng với đó ở mục “Thiếu sự sáng tạo” có điểm trung bình thấp nhất là 7,7 ± 1,3. Điều này cho thấy rằng hầu hết sinh viên đồng ý rằng tính sáng tạo trong công việc ở môi trường lâm sàng là chưa nhiều. Điều này có thể giải thích do các công việc hàng ngày của điều dưỡng có tính chất lặp lại. Vì vậy hiện nay các bệnh viện đang khuyến khích triển khai các đề án cải tiến chất lượng của điều dưỡng nhằm phát huy tính sáng tạo và cải thiện chất lượng chăm sóc. Kết quả này cũng bổ sung cho các thảo luận từ nghiên cứu của Trương Thị Huệ (2015) và Trần Huyền (2019). Cùng với đó “Sinh viên được phép thương lượng với giảng viên lâm sàng và điều dưỡng của khoa về khối lượng sinh viên phải làm ở khoa” có mức đồng ý là 2,5 ± 0,7 cho thấy sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y Hà Nội chưa thể hiện được hết khả năng làm chủ của mình. Trong nghiên cứu của Phạm Thị Hồng Thanh (2010) đã chỉ ra rằng môi trường học tập tại Việt Nam với nền văn hóa phương Đông luôn coi trọng giảng viên nên học sinh hiếm khi được trao quyền.

Theo kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có mối liên quan giữa tổng điểm V-CLEI với năm học sinh điều dưỡng và nhận thức của sinh viên điều dưỡng trong môi trường học tập lâm sàng có sự khác nhau giữa

các năm học trong đó sinh viên năm 4 có tổng điểm V-CLEI trung bình cao hơn so với sinh viên năm 3. Kết quả cũng ghi nhận trong nghiên cứu của Joanne Ramsbotham và cộng sự (2018) nghiên cứu trên đối tượng sinh viên Điều dưỡng tại bốn trường đại học Việt Nam đào tạo điều dưỡng đại học tại nghiên cứu này nhưng tác giả chỉ ra rằng năm học càng cao thì điểm V-CLEI càng thấp [10]. Sự khác biệt này có thể là do sinh viên điều dưỡng năm 3 tham gia vào thực hành lâm sàng thời gian thực tập chưa nhiều nên sẽ có cảm xúc tiêu cực chi phối chính vì vậy dẫn đến điểm trung bình nhận thức về môi trường thực hành lâm sàng thấp hơn so với sinh viên năm 4. Trong nghiên cứu của Tạ Kim Tiến [11] nhóm sinh viên được luân chuyển khoa 2 tuần/ lần có điểm nhận thức trung bình về môi trường học tập lâm sàng cao hơn. Còn trong nghiên cứu của tôi không có sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên này. Do vậy, cần có nghiên cứu sâu hơn với cỡ mẫu lớn hơn để tìm hiểu lượng thời gian đủ hợp lý tại các vị trí học tập có thể giúp tạo điều kiện cho việc học tập lâm sàng của sinh viên.

Đây là nghiên cứu đầu tiên đánh giá nhận thức môi trường học tập lâm sàng của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội, kết quả của nghiên cứu có thể gợi ý cho những can thiệp phù hợp giúp cải thiện chất lượng giảng dạy lâm sàng. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn có những hạn chế. Thứ nhất, do nguồn lực và thời gian nghiên cứu có hạn nên mới chỉ nghiên cứu trên đối tượng sinh viên điều dưỡng của Trường Đại học Y Hà Nội học tập tại cơ sở chính mà chưa khảo sát được các đối tượng sinh viên điều dưỡng tại Phân hiệu Thanh Hóa. Thứ hai, nghiên cứu này chỉ mới thực hiện được đánh giá nhận thức của sinh viên tại một thời điểm trong khi nhận thức có thể thay đổi tại các thời điểm khác nhau.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhận thức của sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y Hà Nội về môi trường học tập lâm sàng là $133,2 \pm 11,7$, sinh viên nhận thức được công việc phải làm của một nhân viên điều dưỡng, họ nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao và quan tâm đến những góp ý của mọi người trong môi trường lâm sàng. Bên cạnh đó sinh viên còn nhận thức được rằng việc học lâm sàng là cực kỳ cần thiết và không lãng phí thời gian. Tuy nhiên vẫn còn những mặt hạn chế: thiếu tính sáng tạo tại môi trường học tập lâm sàng, sự phân công việc chưa phù hợp, số lượng công việc quá tải. Năm học của sinh viên điều dưỡng có mối liên quan đến nhận thức về môi trường học tập lâm sàng, năm học càng cao thì nhận thức của sinh viên điều dưỡng về môi trường học tập lâm sàng càng cao. Chính vì thế cần có những giải pháp phù hợp giúp khắc phục những khó khăn như: sinh viên cần chủ động hơn trong việc tiếp cận kiến thức từ môi trường học tập đa dạng và phức tạp như môi trường lâm sàng. Giảng viên lâm sàng cần quan tâm, dành nhiều thời gian cho sinh

viên hơn, phân công khối lượng công việc một cách hợp lý để từ đó nâng cao chất lượng đào tạo điều dưỡng của Trường Đại học Y Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hội điều dưỡng Việt Nam. “Dấu ấn vận động chính sách phát triển nghề điều dưỡng”. Tạp chí Điều dưỡng số 32 June 5, 2024
- [2] Trần Thị Huyền. Những thách thức mà sinh viên điều dưỡng gặp phải tại môi trường học tập lâm sàng tại Đại học Quốc tế Hồng Bàng năm 2019 | Tạp chí Khoa học Điều dưỡng Tập 03 số 01 năm 2019; tr 8-12
- [3] “Thực trạng ngành điều dưỡng tại Việt Nam hiện nay như thế nào? Yersin University Jan. 29, 2024.
- [4] Jamshidi N, Molazem Z, Sharif F, Torabizadeh C, Najafi Kalyani M. The Challenges of Nursing Students in the Clinical Learning Environment: A Qualitative Study. ScientificWorld-Journal 2016.
- [5] R. N. Kurian and M. M. James, “Assessment of level of satisfaction of student nurses with their clinical learning environment in a selected college of nursing in New Delhi, India,” Int. J. Curr. Res., vol. 9, no. 12, pp. 62589–62592, 2017.
- [6] “Quan điểm của sinh viên điều dưỡng Thổ Nhĩ Kỳ về môi trường học tập lâm sàng của họ: Nghiên cứu nhóm tập trung | KAPUCU | Tạp chí Khoa học Y tế Pakistan.A focus group study 2011, tr 1149– 11532
- [7] C. K. L. Chan, W. K. W. So, and D. Y. T. Fong, “Hong Kong baccalaureate nursing students’ stress and their coping strategies in clinical practice,” tr 307–313, 2009
- [8] Thi Hue Truong. Vietnamese nursing students’ perceptions of their clinical learning environment: A cross-sectional survey [Master thesis]. Queensland University of Technology; 2015.
- [9] Ngô Duy Anh, Nguyễn Thị Ngọc Ngoan. Mức độ nhận thức của sinh viên ngành điều dưỡng trường Đại học Trà Vinh về môi trường thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Tạp chí khoa học trường Đại học Trà Vinh 2022 Oct 19, tr 53–61
- [10] J. Ramsbotham, “Vietnamese Nursing Students’ Perspectives on Learning Environments: A Multisite Benchmarking Study to Inform Future Initiatives,” presented at the Nursing Education Research Conference 2018 (NERC18), Apr. 2018.
- [11] Tiến TTK, Nguyệt NT. Nhận thức về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng năm thứ 2 trường cao đẳng y tế Hà Nội. Tạp Chí Học Việt Nam Tập 530 tháng 9 số 2 năm 2023, tr: 255-259.